**Phân tích Báo Cáo Tài Chính : Các Hệ Số Về Khả Năng Thanh Toán Nợ**

Một công ty có thể vay tiền cho các mục đích ngắn hạn, chủ yếu để bổ sung cho vốn lưu động, hoặc cho các mục đích dài hạn, chủ yếu để mua sắm nhà xưởng và thiết bị. Khi một công ty vay tiền cho hoạt động dài hạn, công ty đã tự cam kết thanh toán tiền lãi định kỳ và hoàn trả tiền nợ gốc vào thời điểm đáo hạn. Để làm việc này, công ty phải tạo ra đủ thu nhập nhằm trang trải các khoản nợ. Một trong những cách để xác định tình trạng nợ của một công ty là phân tích các hệ số nợ của công ty đó.

**Hệ số nợ**

Hệ số nợ hay tỷ lệ nợ trên tài sản cho biết phần trăm tổng tài sản được tài trợ bằng nợ. Hệ số nợ càng thấp thì hiệu ứng đòn bẩy tài chính càng ít, hệ số nợ càng cao thì hiệu ứng đòn bẩy càng cao.

Hệ số nợ = Tổng số nợ/ Tổng tài sản

Ví dụ: Hệ số nợ

Nếu bảng cân đối kế toán của một công ty cho biết tổng nợ của công ty là 1.000.000 USD và tổng tài sản là 5.000.000 USD, thì:

Hệ số nợ = 1.000.000/ 5.000.000 = 0,2 hay 20%

Hệ số nợ cao có xu hướng phóng đại thu nhập của công ty, và hệ số nợ thấp có thể cho thấy việc sử dụng nợ không hiệu quả.

**a. Hệ số nợ trên vốn cổ phần D/E**

Một hệ số nợ quen thuộc hơn phản ánh mối tương quan giữa nợ dài hạn và vốn cổ phần. Hệ số này được gọi là hệ số nợ trên vốn cổ phần:

Hệ số nợ/vốn D/E = Nợ dài hạn + giá trị tài sản đi thuê/ Vốn cổ phần  
  
Do đó, nếu nợ dài hạn và tài sản đi thuê trong bảng tổng kết tài sản có giá trị là 2.000.000 USD và vốn cổ phần là 5.000.000 USD, thì hệ số nợ/vốn là 2.000.000 USD/5.000.000 USD 40%. Ngành điện dân dụng là ngành có nguồn thu đều đặn, có thể chấp nhận các hệ số D/E cao, trong khi các công ty có thu nhập phụ thuộc vào chu kỳ kinh tế thường có hệ số D/E thấp hơn. Nói cách khác, các khách hàng của các công ty dịch vụ điện thực hiện trả tiền định kỳ cho các công ty này. Vì các công ty này biết rõ họ sẽ được trả bao nhiêu tiền và có thể tăng phí đánh vào khách hàng khi doanh lợi giảm xuống dưới mức nhất định, nên các công ty này có thể ước tính lợi nhuận của mình khá chính xác. Do biết được điều này, các công ty này cảm thấy tự tin hơn đối với việc phát hành trái phiếu vì thu nhập mà các công ty này thu được trong tương lai sẽ bảo đảm rằng việc thanh toán tiền lãi và tiền nợ gốc của mình mà không gặp rủi ro.

Ngược lại, các công ty hoạt động phụ thuộc chu kỳ kinh tế có mức thu nhập hoạt động cao trong những giai đoạn kinh tế tốt nhưng phải chịu thu nhập thấp trong những giai đoạn suy thoái kinh tế. Nếu phát hành chứng khoán nợ quá nhiều thì các công ty này có thể không đủ khả năng trả tiền lãi khi lợi nhuận giảm. Do đó, các công ty này phải chấp nhận một chính sách nợ bảo thủ hơn và phát hành nhiều cổ phiếu - là loại chứng khoán không đòi hỏi phải trả cổ tức trong những điều kiện kinh doanh tồi tệ.

b. Hệ số nợ dài hạn/ tổng tài sản LD/TA

Hệ số nợ dài hạn/tổng tài sản LD/TA so sánh tương quan nợ với tổng tài sản của một công ty, và có thể cho biết những thông tin hữu ích về mức độ tài trợ cho tài sản bằng nợ dài hạn của một công ty.

Hệ số LD/TA = Nợ dài hạn/ Tổng tài sản

Hệ số này có thể dùng để đánh giá hiệu ứng đòn bẩy tài chính của một công ty.  
  
Hệ số thu nhập trả lãi định kỳ

Việc tìm xem một công ty có thể thực hiện trả lãi đến mức độ nào cũng rất quan trọng. Để đạt được mục đích này, bạn có thể sử dụng hệ số thu nhập trả lãi định kỳ. Hệ số này đánh giá khả năng sử dụng thu nhập hoạt động thu nhập trước thuế và lãi- EBIT để trả lãi của một công ty. Hệ số này cho biết một công ty có khả năng đáp ứng được nghĩa vụ trả nợ lãi của nó đến mức nào. Rõ ràng, hệ số thu nhập trả lãi định kỳ càng cao thì khả năng thanh toán lãi của công ty cho các chủ nợ của mình càng lớn

Hệ số thu nhập trả lãi định kỳ = EBIT/Chi phí trả lãi hàng năm  
  
Ví dụ: Hệ số thu nhập trả lãi định kỳ

Nếu EBIT là 8.000.000 USD và chi phí tiền nợ lãi hàng năm là 3.000.000 USD thì:  
  
Hệ số thu nhập trả lãi định kỳ = 8.000.000 USD/ 3.000.000 USD = 2,67  
  
Nói cách khác, thu nhập cao gấp 2,7 lần chi phí trả lãi.

Tỷ lệ trả lãi thấp cho thấy một tình trạng nguy hiểm, suy giảm trong hoạt động kinh tế có thể làm giảm EBIT xuống dưới mức nợ lãi mà công ty phải trả, do đó dẫn tới mất khả năng thanh toán và vỡ nợ. Tuy nhiên rủi ro này được hạn chế bởi thực tế EBIT không phải là nguồn duy nhất để thanh toán lãi. Các công ty cũng có thể tạo ra nguồn tiền mặt từ khấu hao và có thể sử dụng nguồn vốn đó để trả nợ lãi. Những gì mà một công ty cần phải đạt tới là tạo ra một độ an toàn hợp lý, bảo đảm khả năng thanh toán cho các chủ nợ của mình.  
  
Chỉ riêng hệ số thu nhập trả lãi định kỳ thì chưa đủ để đánh giá một công ty vì hệ số này chưa đề cập đến các khoản thanh toán cố định khác như trả tiền nợ gốc, chi phí tiền thuê, và chi phí cổ tức ưu đãi.

**Hệ số trang trải chung**

Để giải quyết vấn đề có liên quan đến hệ số thu nhập trả lãi định kỳ, có thể tính toán hệ số trang trải chung:

Hệ số trang trải chung = A/B

A= Các nguồn thu tiền mặt

B= Chi phí tiền thuê + Chi phí trả lãi + tiền trả nợ/1-t + Cổ tức ưu đãi/1-t  
  
t: là số năm tính toán

Tất cả chi phí trong mẫu số của hệ số này là cố định và đều phải được cân nhắc. Rõ ràng, một công ty và các nhà đầu tư của công ty muốn có hệ số trang trải chung cao nhất, nhưng điều này phụ thuộc một phần vào khả năng sinh lãi của công ty.

Khi các hệ số nợ lớn quá mức, công ty có thể nhận thấy chi phí vốn của mình tăng lên. Giá trị các cổ phiếu của công ty cũng có thể giảm xuống tương ứng với mức độ rủi ro của công ty tăng lên. Do đó, các nhà quản lý tài chính phải thận trọng để tránh tình trạng nợ trầm trọng trong cơ cấu vốn của mình. Các nguồn dữ liệu quan trọng của ngành có thể tìm thấy trong các báo cáo tài chính hàng quý từ Uỷ ban Chứng khoán về các ngành sản xuất, bán lẻ, khai thác mỏ. Bạn cũng có thể tham chiếu các báo cáo của các tổ chức định mức tín nhiệm để có các số liệu tổng hợp tương tự.